

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA****SỔ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ  
LỚP BỒI DƯỠNG TIẾNG DÂN TỘC THÁI CHO CÁN BỘ, CHIẾN SĨ ĐOÀN KINH TẾ - QUỐC PHÒNG 5 KHÓA K7.25**

*(Quyết định số 1046 /QĐ-CĐSL ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La)*

Chương trình bồi dưỡng: Theo Quyết định số 254/QĐ-CĐSL ngày 04/05/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc lựa chọn chương trình, tài liệu bồi dưỡng tiếng dân tộc Thái, dân tộc Mông

Thời gian khóa học: Từ ngày 05/09/2025 đến ngày 07/11/2025

Hội đồng thi: Trường Cao đẳng Sơn La

Ngày cấp chứng chỉ: 25/11/2025

| TT | Họ và tên    |       | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh  | ĐTBCTBC cuối khóa | Xếp loại | Số hiệu chứng chỉ | Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ | Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|----|--------------|-------|------------|-----------|---------|-----------|-------------------|----------|-------------------|-----------------------------|------------------------------------------|---------|
| 1  | Phạm Xuân    | Bình  | 12/09/1977 | Nam       | Mường   | Thanh Hóa | 7,5               | Khá      | C 00077183        | 14/C11/2025/447             |                                          |         |
| 2  | Phan Trọng   | Bồn   | 22/04/1974 | Nam       | Kinh    | Nghệ An   | 7,3               | Khá      | C 00077184        | 14/C11/2025/448             |                                          |         |
| 3  | Nguyễn Văn   | Danh  | 04/07/1974 | Nam       | Kinh    | Nghệ An   | 7,0               | Khá      | C 00077185        | 14/C11/2025/449             |                                          |         |
| 4  | Va Tiến      | Dũng  | 29/02/1996 | Nam       | Mông    | Thanh Hóa | 7,7               | Khá      | C 00077186        | 14/C11/2025/450             |                                          |         |
| 5  | Nguyễn Văn   | Đại   | 03/04/2001 | Nam       | Kinh    | Nghệ An   | 7,4               | Khá      | C 00077187        | 14/C11/2025/451             |                                          |         |
| 6  | Nguyễn Gia   | Đình  | 15/03/1978 | Nam       | Kinh    | Nghệ An   | 7,4               | Khá      | C 00077188        | 14/C11/2025/452             |                                          |         |
| 7  | Hoàng Văn    | Giang | 01/10/1984 | Nam       | Kinh    | Thanh Hóa | 7,5               | Khá      | C 00077189        | 14/C11/2025/453             |                                          |         |
| 8  | Trần Hoàng   | Hải   | 07/11/1981 | Nam       | Kinh    | Thanh Hóa | 7,5               | Khá      | C 00077190        | 14/C11/2025/454             |                                          |         |
| 9  | Vũ Văn       | Hải   | 17/08/1982 | Nam       | Kinh    | Nghệ An   | 7,5               | Khá      | C 00077191        | 14/C11/2025/455             |                                          |         |
| 10 | Hà Tổng Nhật | Hoa   | 05/06/2002 | Nữ        | Mường   | Thanh Hóa | 7,1               | Khá      | C 00077192        | 14/C11/2025/456             |                                          |         |

| TT | Họ và tên   |        | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh  | ĐTB<br>cuối khóa | Xếp loại | Số hiệu chứng chỉ | Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ | Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|----|-------------|--------|------------|-----------|---------|-----------|------------------|----------|-------------------|-----------------------------|------------------------------------------|---------|
| 11 | Mai Ngọc    | Hoà    | 15/05/1986 | Nam       | Kinh    | Thanh Hóa | 7,3              | Khá      | C 00077193        | 14/C11/2025/457             |                                          |         |
| 12 | Trịnh Ngọc  | Hoan   | 17/09/1980 | Nam       | Kinh    | Thanh Hóa | 7,6              | Khá      | C 00077194        | 14/C11/2025/458             |                                          |         |
| 13 | Lê Văn      | Hoàn   | 19/10/1987 | Nam       | Mường   | Thanh Hóa | 7,6              | Khá      | C 00077195        | 14/C11/2025/459             |                                          |         |
| 14 | Nguyễn Khắc | Hùng   | 02/09/1983 | Nam       | Kinh    | Thanh Hóa | 7,7              | Khá      | C 00077196        | 14/C11/2025/460             |                                          |         |
| 15 | Bùi Văn     | Hưng   | 12/12/1977 | Nam       | Mường   | Phú Thọ   | 7,2              | Khá      | C 00077197        | 14/C11/2025/461             |                                          |         |
| 16 | Nguyễn Xuân | Hưng   | 12/12/1980 | Nam       | Kinh    | Thanh Hóa | 7,4              | Khá      | C 00077198        | 14/C11/2025/462             |                                          |         |
| 17 | Nguyễn Minh | Lý     | 10/01/1979 | Nam       | Kinh    | Thanh Hóa | 8,3              | Giỏi     | C 00077199        | 14/C11/2025/463             |                                          |         |
| 18 | Lê Huy      | Nam    | 09/12/1983 | Nam       | Kinh    | Thanh Hóa | 7,1              | Khá      | C 00077200        | 14/C11/2025/464             |                                          |         |
| 19 | Nguyễn Hữu  | Nghĩa  | 09/09/1996 | Nam       | Kinh    | Thanh Hóa | 7,4              | Khá      | C 00077201        | 14/C11/2025/465             |                                          |         |
| 20 | Trần Tùng   | Phương | 29/01/1999 | Nam       | Kinh    | Thanh Hóa | 7,4              | Khá      | C 00077202        | 14/C11/2025/466             |                                          |         |
| 21 | Vũ Văn      | Quang  | 15/02/1988 | Nam       | Kinh    | Thanh Hóa | 7,5              | Khá      | C 00077203        | 14/C11/2025/467             |                                          |         |
| 22 | Thao Văn    | Sinh   | 12/03/2002 | Nam       | Mông    | Thanh Hóa | 7,3              | Khá      | C 00077204        | 14/C11/2025/468             |                                          |         |
| 23 | Lường Văn   | Tiến   | 21/10/1994 | Nam       | Kinh    | Thanh Hóa | 7,5              | Khá      | C 00077205        | 14/C11/2025/469             |                                          |         |
| 24 | Phạm Ngọc   | Tiến   | 10/07/1985 | Nam       | Kinh    | Thanh Hóa | 7,3              | Khá      | C 00077206        | 14/C11/2025/470             |                                          |         |
| 25 | Lê Quang    | Tuyên  | 19/11/1983 | Nam       | Kinh    | Thanh Hóa | 8,4              | Giỏi     | C 00077207        | 14/C11/2025/471             |                                          |         |
| 26 | Lê Đình     | Thái   | 02/09/1984 | Nam       | Kinh    | Thanh Hóa | 7,3              | Khá      | C 00077208        | 14/C11/2025/472             |                                          |         |

| TT | Họ và tên  |       | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh  | ĐTBCTBC cuối khóa | Xếp loại | Số hiệu chứng chỉ | Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ | Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|----|------------|-------|------------|-----------|---------|-----------|-------------------|----------|-------------------|-----------------------------|------------------------------------------|---------|
| 27 | Mai Xuân   | Thành | 12/06/1984 | Nam       | Kinh    | Thanh Hóa | 7,2               | Khá      | C 00077209        | 14/C11/2025/473             |                                          |         |
| 28 | Nguyễn Văn | Thắng | 15/05/1980 | Nam       | Kinh    | Nghệ An   | 7,9               | Khá      | C 00077210        | 14/C11/2025/474             |                                          |         |
| 29 | Lê Xuân    | Thị   | 30/01/1985 | Nam       | Kinh    | Thanh Hóa | 7,3               | Khá      | C 00077211        | 14/C11/2025/475             |                                          |         |
| 30 | Nguyễn Văn | Thìn  | 11/08/1989 | Nam       | Kinh    | Thanh Hóa | 7,5               | Khá      | C 00077212        | 14/C11/2025/476             |                                          |         |

*Danh sách gồm có 30 học viên./.*

*Sơn La, ngày 25 tháng 11 năm 2025*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Đức Long**